

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Câu 41: Biện pháp tốt nhất để hạn chế lũ quét xảy ra là

- A. Bảo vệ tốt rừng đầu nguồn. B. Xây dựng các hồ chứa nước.
C. Di dân ở vùng hay xảy ra lũ quét. D. Quy hoạch các điểm dân cư ở vùng cao.

Câu 42: Mưa bão ở nước ta thường gây ra

- A. rét hại. B. ngập lụt. C. sương muối. D. tuyết rơi.

Câu 43: Vùng có điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất để phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng

Câu 44: Sản phẩm/các sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến thủy hải sản ở nước ta?

- A. Gạo, ngô. B. Sữa, bơ. C. Thịt hộp. D. Nước mắm.

Câu 45: Trung du miền núi Bắc Bộ **không** có thế mạnh về

- A. khoáng sản. B. thủy điện. C. chăn nuôi gia súc. D. sản xuất lúa gạo.

Câu 46: Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ có thế mạnh chính là

- A. phát triển thủy điện. B. tổng hợp kinh tế biển. C. sản xuất lương thực. D. khai thác khoáng sản.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết trong số 7 tỉnh biên giới trên đất liền giáp với Trung Quốc **không** có tỉnh nào sau đây?

- A. Lạng Sơn. B. Lào Cai. C. Cao Bằng. D. Sơn La.

Câu 48: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết khu vực nào của nước ta chịu ảnh hưởng mạnh nhất của bão?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.
C. Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất nước ta?

- A. Sông Mê Kông. B. Sông Thái Bình. C. Sông Đồng Nai. D. Sông Thu Bồn.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết khoáng sản titan phân bố chủ yếu ở đâu?

- A. Trung du và miền núi phía Bắc. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Duyên hải miền Trung.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết thảm thực vật rừng ôn đới núi cao chỉ xuất hiện ở vùng nào sau đây?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Tây Nguyên.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Sài Gòn thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Thu Bồn. B. Lưu vực sông Đồng Nai.
C. Lưu vực sông Mê Công. D. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng)

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng lúa cao nhất nước ta?

- A. Cần Thơ. B. Sóc Trăng. C. An Giang. D. Trà Vinh.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30 và 11, cho biết hai loại đất nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ?

- A. Đất feralit trên đá badan, đất xám trên phù sa cổ.
B. Đất phù sa sông, đất feralit trên đá badan.
C. Đất phèn, đất feralit trên các loại đá khác.
D. Đất xám trên phù sa cổ, đất feralit trên đá vôi.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết hai đô thị nào sau đây thuộc loại đặc biệt của nước ta?

- A. Hà Nội, Hải Phòng. B. Hà Nội, Đà Nẵng.
C. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. D. Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có quy mô lớn nhất ở vùng Đông Nam Bộ?

- A. Thủ Dầu Một. B. Biên Hòa. C. TP Hồ Chí Minh. D. Bà Rịa Vũng Tàu.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết vùng có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước?

- A. Duyên hải miền Trung. B. Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 58: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta hiện nay là các quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan. B. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc.
C. Nga, Nhật Bản, Thái lan. D. Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ.

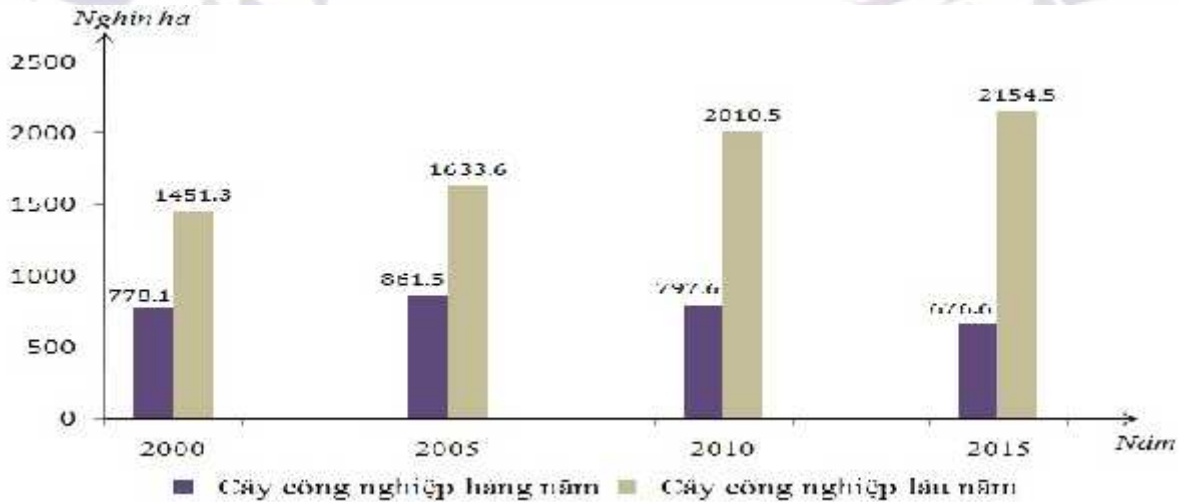
Câu 59: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết những nơi nào sau đây đã được công nhận là di sản văn hóa thế giới ở nước ta?

- A. Phố cổ Hội An, Cố đô Huế, Vịnh Hạ Long.
B. Di tích Mỹ Sơn, Cố đô Huế, phố cổ Hội An.
C. Phong Nha- Kẻ Bàng, Cố đô Huế, Vịnh Hạ Long.
D. Phố cổ Hội An, Phong Nha- Kẻ Bàng, Cố đô Huế.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết những tỉnh nào sau đây ở Đồng bằng sông Cửu Long thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (2007)?

- A. Long An, Cần Thơ. B. Tiền Giang, Bến Tre. C. Long An, Tiền Giang. D. Long An, An Giang.

Câu 61: Cho biểu đồ:



BIỂU ĐỒ DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP HÀNG NĂM VÀ LÂU NĂM CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 – 2015

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với tình hình diện tích cây công nghiệp ở nước ta giai đoạn 2000 – 2005?

- A. Diện tích cây công nghiệp lâu năm và diện tích công nghiệp hàng năm liên tục tăng.
B. Diện tích cây công nghiệp hàng năm và diện tích công nghiệp lâu năm liên tục giảm.
C. Diện tích cây công nghiệp hàng năm luôn lớn hơn diện tích cây công nghiệp lâu năm.
D. Diện tích cây công nghiệp hàng năm luôn nhỏ hơn diện tích cây công nghiệp lâu năm.

Câu 62. Cho bảng số liệu sau:

LAO ĐỘNG 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC HÀNG NĂM PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2015

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	2005	2008	2013	2015
Thành thị	10 689	12 499	15 509	16 375
Nông thôn	32 086	33 962	36 699	36 465
Tổng số	42 775	46 461	52 028	52 840

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tình hình lao động Việt Nam từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn giai đoạn 2005 – 2015?

- A. Lao động thành thị, nông thôn đều tăng. B. Tỷ trọng lao động ở nông thôn liên tục giảm.
C. Lao động tập trung chủ yếu ở thành thị. D. Tỷ trọng lao động ở thành thị liên tục tăng.

Câu 63: Vị trí nước ta nằm gần biển Đông nên có

- A. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm.
- B. gió mùa Đông Bắc hoạt động ở mùa đông.
- C. tổng lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao.
- D. một mùa mưa nhiều và một mùa mưa ít.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều tuyến đường huyết mạch.
- B. Có nhiều đầu mối giao thông lớn.
- C. Các loại hình vận tải rất đa dạng.
- D. Các ngành đều phát triển rất nhanh.

Câu 65: Cán cân xuất nhập khẩu trong tình trạng nhập siêu ở nước ta chủ yếu là do

- A. nền kinh tế đang trong giai đoạn đầu tư, đổi mới, tăng năng lực sản xuất.
- B. nền kinh tế phát triển chậm, hàng xuất khẩu ít, chất lượng kém, chủ yếu hàng thô.
- C. dân số đông, gia tăng còn nhanh, nhu cầu nhập khẩu hàng tiêu dùng lớn.
- D. tài nguyên thiên nhiên hạn chế, thiêu nguồn nguyên, nhiên liệu phục vụ sản xuất.

Câu 66: Giao thông vận tải có vai trò quan trọng trong nền kinh tế của Bắc Trung Bộ do

- A. là địa bàn trung chuyển hàng hoá Bắc - Nam và Tây - Đông.
- B. có nhiều tuyến giao thông Bắc - Nam và Tây - Đông đi qua.
- C. có nhiều tuyến đường nối các cảng biển của Việt Nam với Lào.
- D. nằm trên đường xuyên Á kết thúc ở các cảng biển của Việt Nam.

Câu 67: Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu chủ yếu là do

- A. có đường bờ biển dài, ít đảo ven bờ.
- B. nhiều vũng vịnh, nước sâu, ít bị sa bồi.
- C. bờ biển dài, có nhiều vũng vịnh rộng.
- D. kinh tế phát triển nhanh, nhu cầu vận tải lớn.

Câu 68: Biện pháp hiệu quả nhất để hạn chế tình trạng chặt phá rừng bừa bãi ở Tây Nguyên là

- A. tăng cường kiểm tra, xử phạt những vi phạm.
- B. trồng rừng để bù lại những diện tích đã mất.
- C. chỉ khai thác gỗ ở rừng nguyên sinh.
- D. giao đất giao rừng để nhân dân quản lý.

Câu 69: Tiềm năng to lớn để Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất nước ta là

- A. có vùng biển rộng lớn, nguồn lợi hải sản phong phú, có ngư trường trọng điểm.
- B. có diện tích mặt nước rộng, đa dạng gồm: sông ngòi, kênh rạch, ô trũng...
- C. khí hậu cận xích đạo, thời tiết ổn định thuận lợi để nuôi trồng quanh năm.
- D. mùa lũ hàng năm của sông Mê Công đem lại nguồn lợi thủy sản nước ngọt lớn.

Câu 70: Ở Đông Nam Bộ phải đặt vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu là do

- A. vùng có nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế nhưng diện tích lại nhỏ.
- B. cơ cấu kinh tế, công nghiệp, dịch vụ phát triển hơn những vùng khác.
- C. vùng kinh tế phát triển nhất nước ta, nhưng dân số đông nhất.
- D. sức ép về dân số và môi trường đến các vấn đề kinh tế, xã hội.

Câu 71: Để đảm bảo tốt nguồn tài nguyên cho sự phát triển bền vững cần phải

- A. sử dụng hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- B. quản lý chất thải độc hại từ các nhà máy không để xả thải ra môi trường.
- C. bảo vệ và quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- D. quản lý chặt chẽ việc khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 72: Ở nước ta, việc đẩy mạnh đầu tư phát triển công nghiệp ở trung du và miền núi, phát triển công nghiệp nông thôn nhằm

- A. nâng cao tỉ lệ dân thành thị, phân bố lại dân cư và lao động.
- B. khai thác tài nguyên và sử dụng tối đa nguồn lao động của đất nước.
- C. thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.
- D. giải quyết nhu cầu việc làm của xã hội, tăng thu nhập cho người dân.

Câu 73: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây khiến tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn nước ta còn cao?

- A. Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo ở khu vực nông thôn còn thấp.
- B. Lực lượng lao động tập trung quá đông ở khu vực nông thôn.
- C. Đầu tư khoa học kĩ thuật để tăng năng suất lao động hạn chế.
- D. Chủ yếu là hoạt động nông nghiệp và mang tính mùa vụ cao.

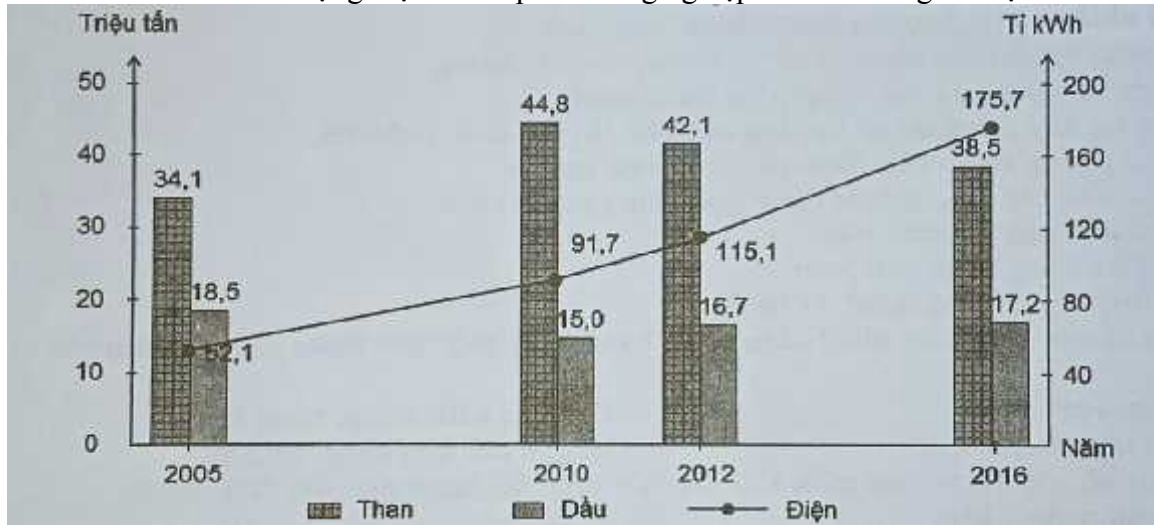
Câu 74: Để giảm tình trạng di dân tự do vào các đô thị ở nước ta, giải pháp lâu dài và chủ yếu là

- A. xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng ở đô thị.
- B. phát triển và mở rộng mạng lưới các đô thị.
- C. xoá đói giảm nghèo và công nghiệp hoá nông thôn.
- D. hạn chế sự gia tăng dân số cả ở nông thôn và đô thị.

Câu 75: Hàng không của nước ta là ngành non trẻ nhưng có bước phát triển nhanh nhờ

- A. tận dụng lại toàn bộ các sân bay sẵn có.
- B. nhanh chóng hiện đại hóa cơ sở vật chất.
- C. sự phát triển mạnh của công nghiệp chế tạo máy bay.
- D. mở nhiều đường bay đến tất cả các nước trên thế giới.

Câu 76: Cho biểu đồ về sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2005 - 2016:



(Số liệu theo Niên giám Thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê 2018)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào?

- A. Tình hình sản lượng than, dầu và điện của nước ta.
- B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu và điện của nước ta.
- C. Quy mô và cơ cấu sản lượng than, dầu, điện ở nước ta.
- D. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng than, dầu và điện của nước ta

Câu 77: Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2010 – 2015**

Năm	2010	2013	2014	2015
Tổng sản lượng (nghìn tấn)	5143	6020	6333	6582
Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)	2728	3216	3413	3532
Giá trị xuất khẩu (triệu đô la Mỹ)	5017	6693	7825	6569

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Để thể hiện sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 - 2015 biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Kết hợp.
- C. Miền.
- D. Cột.

Câu 78: Đất feralit là loại đất chính ở nước ta do

- A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, trên địa hình là đồi núi thấp
- B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với mùa mưa và khô sâu sắc.
- C. địa hình nước ta là địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. khí hậu nhiệt đới phân hóa thành hai mùa mưa và khô rõ rệt

Câu 79: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Nam Bộ và Tây Nguyên nước ta vào mùa hạ là

- A. Sự hoạt động mạnh của gió mùa Tây Nam kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới.
- B. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh vượt qua vùng biển xích đạo rộng lớn.
- C. Sự hoạt động mạnh của gió mùa Đông Bắc thổi qua biển mang theo mưa.
- D. Tín phong bán cầu Bắc thổi theo hướng Đông bắc hoạt động quanh năm.

Câu 80: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta **không** có mùa Đông lạnh như Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là do

- A. sự suy yếu của gió mùa Đông Bắc và sự gia tăng bức xạ mặt trời.
- B. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh nhưng bị chi phối bởi gió khác.
- C. tác dụng chắn của địa hình và vùng đồng bằng duyên hải.
- D. phần lãnh thổ miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ kéo dài hơn.

-----**HẾT**-----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXBGD Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.